

Số: 1915/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 29 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v Quy định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị trang bị tại các phòng phục vụ hoạt động chung của các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BTC ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi tỉnh quản lý;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 3143/TTr-STC ngày 19/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức (số lượng, chủng loại, mức giá) máy móc, thiết bị trang bị tại các phòng phục vụ hoạt động chung của các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi tỉnh quản lý (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Đối với các tài sản là máy móc, thiết bị đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, mua sắm trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện đầu tư, mua sắm và quản lý sử dụng theo dự án đầu tư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với các tài sản là máy móc, thiết bị đã được đầu tư, mua sắm và sử dụng trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện quản lý sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Các nội dung khác không nêu trong quy định này thì các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008; Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 19/2016/TT-BTC ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi tỉnh quản lý và các văn bản quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND Tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh (Đ/c: Hiến);
- CVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT-UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Đ, Đ.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Chí Hiến

*** Nguyễn Chí Hiến**

Phụ lục: 01

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ TRANG BỊ CHO PHÒNG HỌP, HỘI TRƯỞNG VÀ PHÒNG LƯU TRỮ TẠI CÁC CƠ QUAN: TỈNH ỦY, VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH -

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND tỉnh)

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (Triệu đồng)	Ghi chú
A	PHÒNG HỌP			
I	Phòng họp từ 50 trở lên			
1	Bộ Bàn ghế họp lớn	01 bộ	200	
2	Bộ bàn ghế họp nhỏ	20 bộ	140	
3	Máy chiếu + Thiết bị chiếu + Màn chiếu	01 bộ	40	
4	Hệ thống âm thanh	01 hệ thống	150	
5	Tivi		90	Theo nhu cầu thực tế
6	Máy điều hoà	3 cái	90	
7	Camera/Webcam	4 cái	20	
8	Hệ thống đàm thoại	01 hệ thống	60	
9	Thiết bị trực tuyến		245	Theo nhu cầu thực tế
10	Các thiết bị khác (nếu cần)		50	
II	Phòng họp từ 30 đến 50 ghế			
1	Bộ Bàn ghế họp lớn	01 bộ	140	
2	Bộ bàn ghế họp nhỏ	10 bộ	70	
4	Máy chiếu + Thiết bị chiếu + Màn chiếu	01 bộ	30	
5	Hệ thống âm thanh	01 hệ thống	40	
6	Tivi	01 cái	30	
7	Máy điều hoà	2 cái	60	
8	Camera/Webcam	3 cái	15	
9	Hệ thống đàm thoại	01 hệ thống	40	
11	Các thiết bị khác (nếu cần)		30	
III	Phòng họp dưới 30 ghế			
1	Bộ Bàn ghế họp	01 bộ	160	
2	Máy chiếu + Thiết bị chiếu + Màn chiếu	01 bộ	20	
3	Hệ thống âm thanh	01 hệ thống	30	
4	Máy điều hoà	2 cái	40	



TT	Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (Triệu đồng)	Ghi chú
5	Các thiết bị khác (nếu cần)		20	
B	HỘI TRƯỜNG			
I	Hội trường từ 50 ghế trở lên			
1	Bộ bàn ghế	100 bộ	300	
2	Máy chiếu + Thiết bị chiếu + Màn chiếu	01 bộ	60	
3	Hệ thống âm thanh	01 hệ thống	60	
4	Tivi	01 cái	30	
5	Máy điều hoà	8 cái	150	
6	Camera/Webcam	4 cái	20	
7	Các thiết bị khác (nếu cần)		70	
II	Hội trường dưới 50 ghế			
1	Bộ bàn ghế	50 bộ	170	
2	Máy chiếu + Thiết bị chiếu + Màn chiếu	01 bộ	40	
3	Hệ thống âm thanh	01 hệ thống	60	
4	Tivi	01 cái	30	
5	Máy điều hoà	4 cái	90	
6	Camera/Webcam	3 cái	15	
7	Các thiết bị khác (nếu cần)		50	
C	PHÒNG LƯU TRỮ			
1	Kệ đựng hồ sơ/Tủ hồ sơ	kệ, bộ	200	Có thể lựa chọn trang bị nhiều kệ đựng hồ sơ/tủ hồ sơ, tổng giá trị không quá 200 triệu
2	Máy móc, thiết bị khác		30	

Phụ lục: 02

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ TRANG BỊ CHO PHÒNG HỌP, HỘI TRƯỜNG VÀ PHÒNG LƯU TRỮ TẠI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH VÀ UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 29/ 9/2017 của UBND tỉnh)

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (Triệu đồng)	Ghi chú
A	PHÒNG HỌP			
I	Phòng họp từ 20 ghế trở lên			
1	Bộ Bàn ghế họp	01 bộ	150	Có thể lựa chọn trang bị nhiều bàn, ghế nhỏ, tổng giá trị không quá 150 triệu đồng
2	Máy chiếu + Thiết bị chiếu + Màn chiếu	01 bộ	40	
3	Hệ thống âm thanh, đàm thoại	01 hệ thống	60	
4	Tivi	01 cái	30	
5	Máy điều hoà	2 cái	60	
6	Các thiết bị khác (nếu cần)		30	
II	Phòng họp dưới 20 ghế			
1	Bộ Bàn ghế họp	01 bộ	75	Có thể lựa chọn trang bị nhiều bàn, ghế nhỏ, tổng giá trị không quá 75 triệu
4	Máy điều hoà	2 cái	30	
5	Các thiết bị khác (nếu cần)		20	
B	HỘI TRƯỜNG			
I	Hội trường từ 50 ghế trở lên			
1	Bộ bàn ghế	100 bộ	300	
2	Máy chiếu + Thiết bị chiếu + Màn chiếu	01 bộ	60	
3	Hệ thống âm thanh	01 hệ thống	50	
4	Tivi	01 cái	30	
5	Máy điều hoà	8 cái	150	
6	Camera/Webcam	4 cái	20	
7	Các thiết bị khác (nếu cần)		50	
II	Hội trường dưới 50 ghế			
1	Bộ bàn ghế	50 bộ	170	

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (Triệu đồng)	Ghi chú
2	Máy chiếu + Thiết bị chiếu + Màn chiếu	01 bộ	40	
3	Hệ thống âm thanh	01 hệ thống	40	
4	Tivi	01 cái	30	
5	Máy điều hoà	4 cái	90	
6	Camera/Webcam	3 cái	15	
7	Các thiết bị khác (nếu cần)		30	
C	PHÒNG LƯU TRỮ			
1	Kệ đựng hồ sơ/Tủ hồ sơ	kê, bộ	170	Có thể lựa chọn trang bị nhiều kệ đựng hồ sơ/tủ hồ sơ, tổng giá trị không quá 170 triệu
2	Máy móc, thiết bị khác		30	

Phụ lục: 03

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ TRANG BỊ CHO PHÒNG HỌP, HỘI TRƯỞNG VÀ PHÒNG LƯU TRỮ TẠI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH, UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 29 / 9 /2017 của UBND tỉnh)

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (Triệu đồng)	Ghi chú
A	PHÒNG HỌP			
1	Bộ Bàn ghế họp	01 bộ	50	Có thể lựa chọn trang bị nhiều bàn, ghế nhỏ, tổng giá trị không quá 50 triệu đồng
2	Máy chiếu + Thiết bị chiếu + Màn chiếu	01 bộ	20	
3	Hệ thống âm thanh, đàm thoại	01 hệ thống	20	
4	Tivi	01 cái	30	
5	Máy điều hoà	2 cái	30	
6	Các thiết bị khác (nếu cần)		20	
B	HỘI TRƯỞNG			
1	Bộ bàn ghế	75 bộ	255	
2	Máy chiếu + Thiết bị chiếu + Màn chiếu	01 bộ	40	
3	Hệ thống âm thanh	01 hệ thống	40	
4	Tivi	01 cái	30	
5	Máy điều hoà	4 cái	60	
6	Camera/Webcam	2 cái	10	
7	Các thiết bị khác (nếu cần)		30	
C	PHÒNG LƯU TRỮ			
1	Kệ đựng hồ sơ/Tủ hồ sơ	kệ, bộ	100	Có thể lựa chọn trang bị nhiều kệ đựng hồ sơ/tủ hồ sơ, tổng giá trị không quá 100 triệu
2	Máy móc, thiết bị khác		20	

Phụ lục: 04

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ TRANG BỊ CHO PHÒNG HỌP, HỘI TRƯỞNG VÀ PHÒNG LƯU TRỮ TẠI UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1915**/QĐ-UBND ngày **19 / 9** /2017 của UBND tỉnh)

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (Triệu đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5
A	PHÒNG HỌP			
1	Bộ Bàn ghế họp	01 bộ	30	Có thể lựa chọn trang bị nhiều bàn, ghế nhỏ, tổng giá trị không quá 30 triệu đồng
2	Các thiết bị khác (nếu cần)		10	
B	HỘI TRƯỞNG			
1	Bộ bàn ghế	30 bộ	100	
2	Các thiết bị khác (nếu cần)		15	
C	PHÒNG LƯU TRỮ			
1	Kệ đựng hồ sơ/Tủ hồ sơ	kệ, bộ	70	Có thể lựa chọn trang bị nhiều kệ đựng hồ sơ/tủ hồ sơ, tổng giá trị không quá 70 triệu
2	Máy móc, thiết bị khác		10	